TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2023/QĐST-KDTM	*Phú Bình, ngày 03 tháng 01 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 5 Điều 211 và khoản 1 Điều 212 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 299, 320, 321, 322, 323 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13/QH13 ngày 25/11/2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016;

Căn cứ vào Đơn đề nghị của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; Biên bản hoà giải ngày 26 tháng 12 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về toàn bộ nội dung vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2022/TLST-KDTM ngày 12 tháng 10 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: ***Ngân hàng thương mại cổ phần Đ***

Địa chỉ: Số 198 T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T – chức vụ: CT HĐQT.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Trần Hải V – chuyên viên tố tụng

Bị đơn: Anh Dương Văn P, sinh năm 1976

Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1978

Cùng địa chỉ: xóm P, xã N, huyện P, Thái Nguyên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Dương Văn T, sinh năm 1999

Địa chỉ: xóm P, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Ông Dương Văn P và bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền tính đến ngày 09/11/2022 là: **573.856.981đ** (*Năm trăm bảy mươi ba triệu tám trăm năm mươi sáu ngàn chín trăm tám mốt đồng*), trong đó nợ gốc là: 370.961.357 đồng, lãi trong hạn: 21.074.794 đồng, lãi quá hạn: 181.820.830 đồng theo Hợp đồng tín dụng hạn mức: REF1905900138/HDTD/TNA-NTT ngày 15/01/2021 và thẻ tín dụng VISA theo Đơn đề nghị mở thẻ ngày 26/02/2019. Ông Dương Văn P và bà Nguyễn Thị T còn tiếp tục phải trả khoản tiền lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại các hợp đồng trên kể từ sau ngày 09/11/2022 cho đến khi thanh toán xong.

2.2 Nếu ông Dương Văn P và bà Nguyễn Thị T không thanh toán được khoản tiền nói trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để thu hồi nợ thửa 124-1, 124a-1, tờ bản đồ số: 8, diện tích: 800m2, địa chỉ: xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 709564, số vào Sổ cấp GCN: 01659QSDĐ/364/2001/QĐ-UB/H do UBND huyện P cấp ngày 17/7/2001 cho hộ ông (bà) Dương Văn P theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 14610632.02.02.2018/HĐTC, số công chứng: 154, Quyển số: 01/TP-CC/SCC-HĐGD ngày 02/02/2018 tại Phòng Công chứng số 2 tỉnh Thái Nguyên và Phụ lục Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 14610632.02.02.2018/PLHĐTC-01, số công chứng: 193, Quyển số: 01/TP-CC/SCC-HĐGD ngày 01/3/2019 tại Phòng Công chứng số 2 tỉnh Thái Nguyên.

2.3 Ông Dương Văn P, bà Nguyễn Thị T và anh Dương Văn T nhất trí phát mại hai thửa đất và tài sản trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp cho hộ ông bà Dương Xuân P nếu ông P và bà T không có tiền trả tiền cho Ngân hàng.

2.4 Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho SeABank thì ông Dương Văn P, bà Nguyễn Thị T vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho SeABank cho đến khi tất toán toàn bộ các khoản vay.

2.5 Tài sản phát sinh sau khi ký hợp đồng thế chấp gồm: 01 mái tôn và 01 cổng sắt của ông P và bà T. Ngân hàng TMCP Đ và ông P, bà T thỏa thuận nếu phải phát mại tài sản thì ông P và bà T sẽ tự tháo dỡ tài sản phát sinh.

2.6 Về án phí: Ông P và bà T tự nguyện chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là: **13.477.139 đ** (*Mười ba triệu bốn trăm bảy mươi bảy*

ngàn một trăm ba chín đồng) sung quỹ nhà nước. Hoàn trả Ngân hàng TMCP Đ số tiền **11.790.000đ** (*Mười một triệu bảy trăm chín mươi ngàn đồng*) số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002937 ngày 12/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

2.7 Về chi phí tố tụng: Ông P và bà T tự nguyện nộp tiền thẩm định tài sản tại chỗ. Phía ngân hàng TMCP Đ đã nộp tạm ứng số tiền thẩm định tài sản là **5.900.000đ** (*Năm triệu chín trăm ngàn đồng*), vì vậy Ông P và bà T có trách nhiệm nộp lại số tiền trên cho Ngân hàng TMCP Đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện P;
- T.H.ADS huyện P;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đoàn Thị Minh Huệ